

Nghĩa Hành, ngày 23 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Kế hoạch số 545/KH-SGDĐT ngày 28/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về chuyển đổi số ngành giáo dục tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030; Trường THPT Nguyễn Công Phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030. Nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng phát triển toàn diện trên nền tảng số; hình thành hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, hiện đại, an toàn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn mới.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; bảo đảm 100% giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và quản lý trong môi trường số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; bảo đảm tối thiểu 50% tiết học được triển khai có ứng dụng công nghệ số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Thúc đẩy phát triển, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả học liệu số; từng bước hình thành kho học liệu số dùng chung, phục vụ giảng dạy, học tập và tự học.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục thông qua số hóa quy trình, dữ liệu và dịch vụ công; hướng tới xây dựng chính quyền số trong ngành giáo dục.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, đồng bộ từ Ban giám hiệu đến viên chức trong đơn vị; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong giai đoạn 2026-2030.

Triển khai có lộ trình cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả; gắn với chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hằng năm.

Nội dung, giải pháp phải thiết thực, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

Gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp giáo dục; không chạy theo hình thức, bảo đảm thực chất.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu ngành giáo dục theo quy định pháp luật.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong ngành GDĐT giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và chương trình chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng và công nghệ số làm động lực thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá; phát triển hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, an toàn, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục số cho người học; góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia và mục tiêu phát triển giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 71 trong giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

(Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

(Phụ lục II kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Ban Giám hiệu trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và Đề án 06 tại trường; bảo đảm tính đồng bộ từ Ban Giám hiệu đến các Tổ chuyên môn và lớp học.

Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp trường; phân công rõ nhiệm vụ cho từng thành viên, các Tổ trưởng chuyên môn và bộ phận thiết bị - thư viện.

Xây dựng chỉ tiêu chuyển đổi số cụ thể cho từng Tổ chuyên môn; gắn kết quả thực hiện vào công tác thi đua, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên hàng năm.

Thường xuyên kiểm tra việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy (sổ điểm điện tử, học bạ số, giáo án điện tử, LMS) để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho giáo viên.

2. Về thể chế, chính sách

Ban hành Quy chế quản lý, dạy học và kiểm tra trên môi trường số phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

Chuẩn hóa các thủ tục hành chính học đường (cấp xác nhận học sinh, chuyển



trường, rút hồ sơ...) theo hướng điện tử hóa, hạn chế tối đa hồ sơ giấy.

Có cơ chế khen thưởng cho giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm về ứng dụng AI, xây dựng kho học liệu số hoặc có phương pháp dạy học trực tuyến hiệu quả.

3. Về phát triển hạ tầng số

Rà soát, nâng cấp hệ thống Wifi/Internet tốc độ cao phủ sóng toàn bộ phòng học và phòng chức năng; bảo đảm đường truyền ổn định cho việc dạy học tương tác.

Đầu tư, bảo trì hệ thống máy tính phòng Tin học, tivi/máy chiếu tại các lớp học; ưu tiên trang bị các thiết bị hỗ trợ dạy học số hiện đại.

Triển khai các giải pháp bảo mật, bộ lọc web an toàn trong môi trường giáo dục để bảo vệ học sinh trên không gian mạng.

4. Về phát triển nhân lực số

Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề về kỹ năng số, sử dụng phần mềm quản lý điểm, kỹ năng thiết kế bài giảng E-learning và ứng dụng AI trong soạn giảng cho giáo viên.

Thông qua môn Tin học và các hoạt động ngoại khóa, phổ cập kỹ năng an toàn thông tin và khai thác tài nguyên số hiệu quả cho học sinh.

Hình thành nhóm giáo viên cốt cán về CNTT để hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho đồng nghiệp.

5. Về phát triển dữ liệu số

Thực hiện cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu ngành, đảm bảo thông tin học sinh và cán bộ giáo viên luôn "Đúng - Đủ - Sạch - Sống".

Đẩy mạnh triển khai học bạ điện tử và số hóa các hồ sơ lưu trữ từ các năm học trước.

Xây dựng thư viện số, kho bài giảng điện tử của trường để giáo viên và học sinh có thể truy cập, chia sẻ tài nguyên học tập mọi lúc, mọi nơi.

6. Về bảo đảm an ninh mạng

Thực hiện nghiêm quy định về bảo mật thông tin cá nhân của học sinh và giáo viên trên các phần mềm quản lý.

Thường xuyên lồng ghép trong các buổi chào cờ, sinh hoạt lớp các kiến thức về phòng chống lừa đảo mạng, văn hóa ứng xử trên mạng xã hội cho học sinh.

7. Về phát triển Chính quyền số & Học đường số

Áp dụng triệt để chữ ký số trong phê duyệt giáo án, sổ điểm và các văn bản điều hành nội bộ.

Hướng dẫn phụ huynh sử dụng các nền tảng trực tuyến để đăng ký tuyển sinh, thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

8. Về nâng cao nhận thức và truyền thông

Tăng cường tin bài về các hoạt động chuyển đổi số của trường trên Fanpage

Facebook và Website chính thức của THPT Nguyễn Công Phương

Tổ chức các cuộc thi thiết kế bài giảng số, thi thiết kế video clip giới thiệu trường để tạo không khí thi đua sôi nổi về ứng dụng công nghệ.

V. KINH PHÍ

Kinh phí được chi từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của nhà trường, nguồn kinh phí tự chủ và các nguồn xã hội hóa giáo dục hợp pháp khác để đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Giám hiệu: Chịu trách nhiệm chung, xây dựng kế hoạch chi tiết và phê duyệt dự toán kinh phí.

2. Tổ chuyên môn: Triển khai các hoạt động dạy học số, xây dựng học liệu và bồi dưỡng kỹ năng cho giáo viên trong tổ.

3. Bộ phận Văn phòng/Kế toán: Đảm bảo hồ sơ sổ sách điện tử, quản trị hệ thống mạng và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

4. Đoàn thanh niên: Tổ chức các sân chơi công nghệ, truyền thông về chuyển đổi số cho học sinh.

Đề nghị các bộ phận trong nhà trường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Tổ chuyên môn;
- Website;
- Lưu: VT, kqv.



HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Xuân Vinh



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 120 /KH-NCP ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Trường THPT Nguyễn Công Phương)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả cần đạt	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
A	GIAI ĐOẠN 2026 - 2027			
I	Quản lý, chỉ đạo, điều hành số an toàn và hiệu quả			
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại trường được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để phê duyệt.	100%	BGH, Văn phòng	Tổ chuyên môn
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ và đột xuất thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của Ngành.	100%	Văn phòng trường	BGH, các bộ phận
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đào tạo/tập huấn kỹ năng số cơ bản và ứng dụng AI trong giảng dạy.	100%	BGH	Tổ chuyên môn
II	Xã hội số và Xây dựng năng lực số			
1	Tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có và sử dụng chữ ký số cá nhân trong công việc.	100%	BGH, Văn phòng	Cá nhân GV, NV
2	Tỷ lệ học sinh toàn trường được trang bị kỹ năng về an toàn thông tin và kỹ năng số cơ bản.	100%	Đoàn Thanh niên	Tổ Tin học
III	Dạy học và Kiểm tra đánh giá trên môi trường số			
1	Hoàn thiện hệ quản trị số nhà trường VTSMAS, CSDL ngành; dữ liệu học sinh, giáo viên được kết nối liên thông, đảm bảo "Đúng - Đủ - Sạch - Sống".	100%	Ban CNTT trường	GV Chủ nhiệm
2	Tỷ lệ giáo viên triển khai dạy học trực tuyến, khai thác kho học liệu số và sử dụng các nền tảng tương tác (OLM, Plickers, AI, ...).	100%	Tổ chuyên môn	Ban CNTT trường
3	Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu lưu trữ của trường được chỉnh lý và số hóa theo quy định.	100%	Văn phòng, Thư viện	BGH



	Chỉ tiêu	Kết quả cần đạt	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Tỷ lệ phòng học Tin học đạt chuẩn, hệ thống Wifi 6/Internet băng thông rộng ổn định phủ sóng toàn bộ các phòng chức năng và lớp học.	100%	Bộ phận Thiết bị	Kế toán, BGH
5	Hệ thống thông tin của trường được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ.	100%	Ban CNTT trường	BGH
B	GIAI ĐOẠN 2028 - 2030			
I	Điều hành thông minh dựa trên dữ liệu và AI			
1	Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên sử dụng Trợ lý ảo (AI) hoặc công cụ thông minh để hỗ trợ soạn bài, chấm thi và thực thi công vụ.	100%	BGH	Toàn thể GV
2	Nhà trường triển khai ít nhất 01 ứng dụng AI đặc thù phục vụ công tác chỉ đạo hoặc hỗ trợ cá nhân hóa học tập cho học sinh.	100%	Ban CNTT trường	Tổ chuyên môn
3	Tỷ lệ dịch vụ hành chính trường học (xác nhận học sinh, chuyển trường...) được thực hiện trực tuyến toàn trình và ứng dụng AI hỗ trợ phụ huynh.	100%	Văn phòng trường	Ban CNTT trường
II	Duy trì và Nâng cao chất lượng trường học số			
1	Tỷ lệ giáo viên và học sinh tham gia đóng góp học liệu vào Kho học liệu số dùng chung của tỉnh/quốc gia.	>30%	Tổ chuyên môn	Thư viện trường
2	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục tại trường được số hóa và tái sử dụng (không yêu cầu nộp bản giấy lại nếu đã có trong hệ thống).	100%	Văn phòng trường	BGH
3	Đảm bảo hạ tầng hạ tầng số và thiết bị dạy học số luôn được cập nhật, bảo trì định kỳ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện.	100%	Bộ phận Thiết bị	Kế toán

**Phụ lục II****DANH MỤC NHIỆM VỤ****TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 120 /KH-NCP ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Trường THPT Nguyễn Công Phương)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành				
1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT về chuyển đổi số và Đề án 06 thành kế hoạch hành động chi tiết tại trường.	BGH	Ban CNTT trường	Kế hoạch thực hiện hàng năm	2026 - 2030
2	Phát huy vai trò Hiệu trưởng là Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số; trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả ứng dụng công nghệ trong nhà trường.	Hiệu trưởng	Ban Chỉ đạo CDS trường	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo; Biên bản họp định kỳ	2026 - 2030
3	Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường theo bộ chỉ số của Bộ/Sở GDĐT hàng năm để kịp thời điều chỉnh lộ trình đầu tư.	BGH	Ban CNTT; Tổ trưởng chuyên môn	Báo cáo kết quả đánh giá	2026 - 2030
II	Thể chế, chính sách số nội bộ				
1	Ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng học bạ điện tử, giáo án điện tử, sổ điểm và quy trình xử lý văn bản số tại trường.	BGH	Thư ký hội đồng; Công đoàn	Các văn bản quy định, hướng dẫn nội bộ	2026 - 2030
III	Phát triển hạ tầng số				



	Nhiệm vụ, giải pháp	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Duy trì, nâng cấp hệ thống mạng LAN/Wifi lớp học; trang bị thiết bị CNTT, tivi thông minh, máy tính phòng Tin học đạt chuẩn phục vụ dạy học.	Bộ phận Thiết bị	Kế toán; NVCNTT	Hệ thống hạ tầng ổn định; Biên bản nghiệm thu thiết bị	2026 - 2030
2	Triển khai sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản trị trường học (VTSMAS), nền tảng dạy học trực tuyến và kho học liệu dùng chung.	Ban CNTT trường	Tổ chuyên môn	Dữ liệu vận hành thông suốt trên nền tảng số	2026 - 2030
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Phân công cán bộ phụ trách CNTT chuyên trách; triển khai phong trào "Mỗi giáo viên là một chuyên gia số" trong giảng dạy.	BGH	Tổ chuyên môn	Danh sách phân công; Báo cáo phong trào	2026 - 2030
2	Tổ chức tập huấn định kỳ về AI (Trí tuệ nhân tạo), kỹ năng phân tích dữ liệu học sinh và phương pháp sư phạm số cho giáo viên.	BGH	Tổ Tin học; Các chuyên gia mời	100% GV tham gia bồi dưỡng và có sản phẩm ứng dụng	2026 - 2030
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Số hóa 100% hồ sơ học sinh, sổ điểm, học bạ và các giấy tờ hành chính; đảm bảo dữ liệu luôn "Đúng - Đủ - Sạch - Sống".	Ban CNTT trường	GV Chủ nhiệm; Văn phòng	Cơ sở dữ liệu ngành được cập nhật chính xác	2026 - 2030
2	Khai thác dữ liệu số từ các kỳ thi, đánh giá để phân tích học lực và dự báo kết quả tốt nghiệp của học sinh khối 12.	BGH	Tổ chuyên môn	Báo cáo phân tích chất lượng dựa trên dữ liệu	2026 - 2030
VI	Bảo đảm an ninh mạng				



	Nhiệm vụ, giải pháp	Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Triển khai phương án bảo mật thông tin cá nhân học sinh, giáo viên; cài đặt phần mềm phòng chống mã độc trên hệ thống máy tính trường.	NVCNTT trường	Bộ phận Thiết bị	Hệ thống an toàn; không xảy ra sự cố lộ lọt dữ liệu	2026 - 2030
VII	Chính quyền số (Học đường số)				
1	Thực hiện xử lý 100% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản và phê duyệt giáo án.	Văn phòng trường	BGH; Toàn thể GV	Tỷ lệ ký số và xử lý văn bản điện tử đạt 100%	2026 - 2030
VIII	Kinh tế số và xã hội số (Học đường tương tác)				
1	Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt; xây dựng kho học liệu điện tử (bài giảng E-learning, video dạy học) dùng chung toàn trường.	Kế toán; Ban CNTT; Thư viện	Giáo viên	Tỷ lệ nộp học phí trực tuyến; Kho học liệu phong phú	2026 - 2030
IX	Nâng cao nhận thức và truyền thông số				
1	Tuyên truyền các chủ trương về CDS qua các buổi chào cờ, họp hội đồng và qua các kênh truyền thông của trường (Website, Fanpage).	Đoàn Thanh niên	NV CNTT trường	Bản tin chuyên mục Chuyển đổi số hàng tuần/tháng	2026 - 2030
2	Xây dựng banner, chuyên mục "Chuyển đổi số tại THPT Nguyễn Công Phương" trên website để cập nhật các hình ảnh, video hoạt động số.	Ban CNTT trường	Tất cả cán bộ giáo viên	Giao diện website cập nhật thường xuyên	2026 - 2030

**Phụ lục III****DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030***(Kèm theo Kế hoạch số 120 /KH-NCP ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Trường THPT Nguyễn Công Phương)*

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Bộ phận chủ trì	2026	2027	2028	2029	2030
I	Phát triển Chính quyền số (Học đường số)						
I.1	Phát triển Hạ tầng số						
1	Nâng cấp, bổ sung máy tính cấu hình cao cho phòng Tin học và phòng Lab phục vụ dạy học chương trình GDPT 2018.	Thiết bị - Kế toán	x	x		x	
2	Triển khai mô hình “Ứng dụng AI” trong soạn giảng, chấm bài tự động và hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp THPT.	Ban CNTT - Các Tổ chuyên môn	x	x	x	x	x
I.2	Nền tảng số và Đào tạo kỹ năng số						
1	Duy trì và nâng cấp nền tảng quản trị nhà trường (VTSmas), hệ thống thi trực tuyến và quản lý hồ sơ công việc số.	Ban CNTT trường	x	x	x	x	x
2	Số hóa hồ sơ lưu trữ, học bạ cũ và tạo lập kho dữ liệu dùng chung (giáo án, đề thi, tư liệu giảng dạy) toàn trường.	Văn phòng - Thư viện	x	x	x	x	x
3	Bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng sử dụng công cụ AI, phân tích dữ liệu giáo dục và an toàn thông tin cho GV, NV.	Ban Giám hiệu	x	x	x	x	x
I.3	Bảo đảm an ninh mạng						
1	Thiết lập và duy trì hệ thống bảo mật, phân quyền truy cập và sao lưu dữ liệu dự phòng cho hệ thống thông tin của trường.	Ban CNTT trường	x	x	x	x	x
II	Phát triển Kinh tế số (Hành chính số)						
1	Chuẩn hóa và số hóa quy trình quản lý văn bản, chứng chỉ tạm thời và các giấy xác nhận cho học sinh trên môi trường số.	Văn phòng trường	x	x	x		
III	Phát triển Xã hội số (Kết nối học đường)						
1	Triển khai chương trình “Phổ cập kỹ năng số” cho học sinh (hướng dẫn sử dụng dịch vụ công, an toàn mạng).	Đoàn Thanh niên	x	x	x	x	x



TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Bộ phận chủ trì	2026	2027	2028	2029	2030
2	Thực hiện Học bạ số 100%; Tuyển sinh vào lớp 10 trực tuyến; Triển khai Chatbot hỗ trợ phụ huynh tra cứu kết quả học tập.	BGH - Văn phòng	x	x	x	x	x
3	Phát triển Thư viện số: Trang bị phần mềm quản lý thư viện hiện đại, kho tài liệu điện tử và thiết bị đọc cho học sinh.	Thư viện - Thiết bị	x	x	x	x	x



Phụ lục IV

DANH MỤC ĐĂNG KÝ KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 120 /KH-SGDDT ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung đầu tư / Phần mềm	Quy mô/Đơn giá	Tổng (5 năm) – triệu	2026	2027	2028	2029	2030
I	HẠ TẦNG CỨNG (Phòng máy & Mạng)		1,410	320	280	270	270	270
1	Máy tính phòng thi (100 máy Win 11)	20 máy/năm	1,200	240	240	240	240	240
2	Hạ tầng mạng lõi & Server nội bộ	Gói nâng cấp	100	40	15	15	15	15
3	Hệ thống Wifi 6 (Toàn trường)	25 bộ phát	110	40	25	15	15	15
II	CHỮ KÝ SỐ & ĐỊNH DANH		41	9.5	9.5	9.5	9.5	9.5
4	Ký số BGH & Kế toán (04 USB)	1.5tr x 4	30	6	6	6	6	6
5	Ký số Giáo viên (49 người)	50k x 45	11.25	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
III	PHẦN MỀM QUẢN LÝ		125	25	25	25	25	25
6	Phần mềm Kế toán	10tr/năm	50	10	10	10	10	10
7	Phần mềm Quản lý CSVC	8tr/năm	40	8	8	8	8	8
8	Phần mềm Edoc (Hồ sơ số)	5tr/năm	25	5	5	5	5	5
9	Thu học phí trực tuyến	2tr/năm	10	2	2	2	2	2
IV	PHẦN MỀM DẠY HỌC - ĐÀO TẠO - AI		149	44	44	44	44	44



TT	Nội dung đầu tư / Phần mềm	Quy mô/Đơn giá	Tổng (5 năm) – triệu	2026	2027	2028	2029	2030
10	Duy trì hệ thống bồi dưỡng thường xuyên cán bộ giáo viên	9.68tr/năm	48.4	9.68	9.68	9.68	9.68	9.68
11	Phần mềm OLM (Dạy học trực tuyến)	7.5tr/năm	37.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5
12	Website & Tên miền	2.5tr/năm	12.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5
13	Phần mềm xếp Thời khóa biểu	1.5tr/năm	7.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5
14	Học bạ số (Duy trì hệ thống)	5tr/năm	25	5	5	5	5	5
15	Công cụ AI hỗ trợ Quản lý, dạy và học trong nhà trường (04)	18tr/năm	18	18	18	18	18	18
	TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN		1,683.90	389.18	349.18	339.18	339.18	339.18